

Số: 06 /NQ-HĐKĐCLGD

*Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2018*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Trường Đại học Cửu Long**

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng đã họp ngày 22/4/2018 để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Cửu Long. Hội đồng đã nghiên cứu Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Hội đồng đã nghe đại diện lãnh đạo Nhà trường báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá, đại diện Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài báo cáo tóm tắt quy trình và tổng hợp kết quả đánh giá ngoài. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Cửu Long với số phiếu tán thành là 08/11/11.

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu của phiên họp, Hội đồng

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Trường Đại học Cửu Long đã thực hiện đánh giá chất lượng đúng các quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch; Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Cửu Long cho thấy, số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 49 tiêu chí (trong tổng số 61 tiêu chí) chiếm 80,33%, trong đó tất cả các tiêu chuẩn đều có ít nhất 01 tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (Phụ lục 1).

2. Kết quả đánh giá cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh (Phụ lục 2), tuy nhiên cũng còn những điểm cần phải khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị với Nhà trường các giải pháp cải tiến chất lượng (Phụ lục 3).

3. Căn cứ theo Điều 27, Thông tư số 62/2012/BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng kiến nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Cửu Long theo các quy định hiện hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD  
CHỦ TỊCH**

*(đã ký)*

**GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM KĐCLGD – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
PGS.TS. Đoàn Quang Vinh**

**PHỤ LỤC 1**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ (TĐG) VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI (ĐGN)**  
**CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng*  
*Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	TĐG	ĐGN
<b>Tiêu chuẩn 1:</b>		
Tiêu chí 1.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 1.2	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 2:</b>		
Tiêu chí 2.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 2.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.7	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 3:</b>		
Tiêu chí 3.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.2	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 3.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.4	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 3.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.6	Chưa đạt	Chưa đạt
<b>Tiêu chuẩn 4:</b>		
Tiêu chí 4.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 4.7	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 5:</b>		
Tiêu chí 5.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 5.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.5	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 5.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.8	Đạt	Đạt

Tiêu chuẩn, tiêu chí	TĐG	ĐGN
<b>Tiêu chuẩn 6:</b>		
Tiêu chí 6.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.9	Chưa đạt	Chưa đạt
<b>Tiêu chuẩn 7:</b>		
Tiêu chí 7.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.5	Chưa đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 7.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.7	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 8:</b>		
Tiêu chí 8.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.3	Đạt	Chưa đạt
<b>Tiêu chuẩn 9:</b>		
Tiêu chí 9.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 9.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.9	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 10:</b>		
Tiêu chí 10.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 10.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 10.3	Đạt	Chưa đạt

**TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG**

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí trong từng tiêu chuẩn	Kết quả đánh giá			
		Đạt		Chưa đạt	
		Số tiêu chí	Tỉ lệ (%)	Số tiêu chí	Tỉ lệ (%)
Tiêu chuẩn 1	2	2	100	0	0
Tiêu chuẩn 2	7	6	85,71	1	14,29
Tiêu chuẩn 3	6	3	50	3	50
Tiêu chuẩn 4	7	6	85,71	1	14,29
Tiêu chuẩn 5	8	6	75	2	25
Tiêu chuẩn 6	9	8	88,89	1	11,11
Tiêu chuẩn 7	7	6	85,71	1	14,29
Tiêu chuẩn 8	3	2	66,67	1	33,33
Tiêu chuẩn 9	9	8	88,89	1	11,11
Tiêu chuẩn 10	3	2	66,67	1	33,33
<b>Tổng</b>	<b>61</b>	<b>49</b>	<b>80,33</b>	<b>12</b>	<b>19,67</b>

**Tổng hợp**

<b>Kết quả đánh giá</b>	<b>Đạt</b>	<b>Chưa đạt</b>	<b>Không đánh giá</b>
Số tiêu chí/tổng số	49/61	12/61	0
Tỉ lệ %	80,33%	19,67%	0

## **PHỤ LỤC 2**

### **CÁC ĐIỂM MẠNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHDN)*

#### **1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học**

Sứ mạng của Trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường, gắn kết với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Mục tiêu của Nhà trường phù hợp với mục tiêu đào tạo; được lấy ý kiến góp ý rộng rãi trong cán bộ, giảng viên của Trường; được sự đồng thuận cao giữa các cấp lãnh đạo, Đảng ủy và các tổ chức quần chúng.

#### **2. Tổ chức và quản lý**

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐH dân lập Cửu Long được xây dựng trên cơ sở Quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường. Qua quá trình hoạt động, Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh, cải tiến cơ cấu tổ chức và quản lý, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc để phù hợp với tình hình thực tế. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác được địa phương và cấp trên đánh giá cao, thể hiện qua việc được nhận nhiều bằng khen, giấy khen. Trường quan tâm cử các cán bộ làm công tác ĐBCL đi học tập nâng cao nghiệp vụ. Chế độ báo cáo định kỳ cho Bộ GD&ĐT, các cơ quan liên quan đầy đủ, đúng qui định. Hệ thống lưu trữ và các biện pháp an toàn, an ninh cho lưu trữ đạt yêu cầu. Cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ.

#### **3. Chương trình đào tạo**

Nhà trường hiện có 21 CTĐT đại học, 09 CTĐT cao đẳng và 4 CTĐT trình độ thạc sỹ. Trong 5 năm gần đây, nhà trường đã mở mới 5 CTĐT trình độ đại học và 4 CTĐT sau đại học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Nhà trường đã xây dựng và tổ chức đào tạo nhiều hình thức đào tạo gồm chính quy, VLVL, liên thông chính quy và VLVH, liên kết đào tạo với các trường trong khu vực. Các CTĐT trình độ đại học, sau đại học của nhà trường được thiết kế đúng quy định, có mục tiêu cụ thể, cấu trúc hợp lý, có đầy đủ đề cương chi tiết các học phần đào tạo. Tất cả các CTĐT trình độ đại học, cao đẳng đã được rà soát, điều chỉnh ít nhất 1 lần trong 5 năm gần đây.

#### **4. Hoạt động đào tạo**

Nhà trường đã tổ chức nhiều hình thức đào tạo bao gồm chính quy, VLVH, liên thông VLVH với một số trường trong khu vực và liên kết đào tạo sau đại học. Việc triển khai và tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường được thực hiện có kế hoạch, có tổng kết rút kinh nghiệm. Công tác đánh

giá hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện định kỳ, bài bản. Công tác thi, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện nghiêm túc. Sinh viên hài lòng về các hoạt động giảng dạy của giảng viên và tính công bằng, chính xác trong đánh giá kết quả học tập. Nhà trường có phần mềm Edusoft phục vụ tốt cho công tác quản lý đào tạo; có hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo và tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp; đã triển khai kế hoạch khảo sát về chất lượng đào tạo đối với sinh viên tốt nghiệp; có triển khai điều chỉnh hoạt động đào tạo dựa trên các thông tin phản hồi của nhà tuyển dụng lao động và cựu sinh viên.

#### **5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên**

Nhà trường đã ban hành các chế độ chính sách nhằm thu hút các GV có trình độ cao về công tác tại trường. Quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên rõ ràng, minh bạch. Kế hoạch tuyển dụng được thông báo rộng rãi và đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Để đảm bảo các quyền dân chủ theo quy định, nhà trường đã tổ chức họp giao ban định kỳ, tổ chức Hội nghị người lao động, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường có chính sách bồi dưỡng GV trẻ, cấp kinh phí để giảng viên tham gia bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học. Đội ngũ GV đảm bảo kinh nghiệm về công tác chuyên môn và được trẻ hóa. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên và nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng việc hỗ trợ cho CBQL, GV, SV trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

#### **6. Người học**

Nhà trường có các đơn vị chức năng phụ trách và tập trung thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ các mặt cho người học trong học tập, rèn luyện và sinh hoạt. Người học được hướng dẫn về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá, các quy định về đào tạo và quy chế rèn luyện học sinh sinh viên. Các chế độ chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng. Môi trường học tập đảm bảo vệ sinh và an toàn, nổi bật là có các mô hình tự phòng, tự quản, tự bảo vệ an ninh trật tự. Nhà trường đã có nhiều biện pháp và hình thức tổ chức giúp cho sinh viên rèn luyện tốt, chấp hành chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, có lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, quan hệ tốt với cộng đồng. Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHĐN là cầu nối giữa nhà trường và các doanh nghiệp và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp, nhiều sinh viên đã có việc làm sau một năm tốt nghiệp.

#### **7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ**

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển, trong đó có Chiến lược nâng cao năng lực ứng dụng KH&CN và HTQT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hoạt động KH&CN hằng năm và có báo cáo tổng kết; đã ban hành các Quy trình quản lý đề tài nghiên cứu KH&CN cấp cơ sở, quy định về quyền sở hữu trí

tuệ và thương mại hóa kết quả KHCN. Từ năm 2012 đến năm 2017, Nhà trường đã thực hiện được 107 đề tài NCKH cấp Trường (trong đó: 40 đề tài NCKH SV); tham gia 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài NCKH cấp Bộ GD&ĐT; thực hiện 03 đề tài cấp Tỉnh, 02 đề tài cấp Huyện; đang triển khai 01 đề tài cấp Nhà nước, phối hợp với một số trường ĐH, cơ sở nghiên cứu; công bố được 17 bài báo KH quốc tế (có bài thuộc danh mục SCI top Q1), 13 bài báo cấp ngành, 78 bài báo tạp chí/tập san trong nước; có 02 giải pháp kỹ thuật đạt giải (01 giải Nhì, 01 giải Ba) tại Hội thi sáng tạo kỹ thuật Trần Đại Nghĩa tỉnh Vĩnh Long năm 2014-2015. Tổng số bài báo quy đổi (77,5 bài báo) lớn hơn tổng số đề tài NCKH quy đổi (52,5 đề tài). Các đề tài NCKH của Nhà trường thực hiện trong những năm qua hầu hết đều nghiệm thu đúng tiến độ. Hoạt động NCKH góp phần đáng kể vào việc nâng cao trình độ chuyên môn của CBGV.

#### **8. Hoạt động hợp tác quốc tế**

Nhà trường đã ban hành nhiều quy định và hướng dẫn về hoạt động HTQT, đảm bảo các hoạt động HTQT tuân thủ các quy định hiện hành; đã tiếp nhận nhiều đoàn khách quốc tế đến làm việc, cử các đoàn cán bộ giảng viên, sinh viên của Trường đi tham quan học tập tại nước ngoài. Nhà trường đã ký kết các thỏa thuận hợp tác, hợp đồng liên kết, hợp tác đào tạo với một số cơ sở giáo dục nước ngoài; tiếp nhận các lưu học sinh Lào đến học tập ở các bậc cao học, đại học và học tiếng Việt tại trường. Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã phối hợp tổ chức được 11 hội thảo quốc tế.

#### **9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác**

Thư viện đặt ngay ở vị trí trung tâm của trường, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Thư viện điện tử được nối mạng, liên kết với thư viện một số trường ĐH để dùng chung dữ liệu. Tổng diện tích giảng đường lớp học là 11.645 m<sup>2</sup>, bình quân diện tích trên SV là 4,54 m<sup>2</sup>/SV đạt theo quy định; trường có ký túc xá cho SV; có đầy đủ trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao phục vụ SV. Trường có 93 phòng học, 22 phòng thực hành, thực tập, 12 phòng thí nghiệm, 10 phòng máy tính và 01 nông trại thực nghiệm Nông học đáp ứng được nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của GV và SV. Phòng làm việc cho cán bộ GV và nhân viên được trang bị các trang thiết bị tin học văn phòng phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH. Nhà trường có phương án phối hợp chặt chẽ với công an và chính quyền địa phương trong công tác ANTT, bảo vệ tài sản, phòng chống thiên tai.

#### **10. Tài chính và quản lý tài chính**

Nhà trường có chiến lược phát triển nguồn lực tài chính, tăng nguồn thu. Theo kết quả kiểm toán cho năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016, Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc thu chi các nguồn tài chính. Bên cạnh học phí, nhà trường còn có nguồn thu từ Trung tâm ngoại ngữ, các hợp đồng liên kết

đào tạo với các cơ sở giáo dục khác, các hợp đồng cho thuê bãi giữ xe phục vụ sinh viên. Nhà trường có Quy chế chi tiêu nội bộ được công khai hóa đến toàn thể cán bộ giảng viên. Hằng năm nhà trường có báo cáo tài chính, báo cáo thuế đầy đủ, có phần mềm tài chính Eva.mku để lập kế hoạch và quản lý tài chính. Công tác lập dự toán thu-chi hàng năm được thực hiện căn cứ trên đề xuất của các đơn vị, yêu cầu và nhiệm vụ trọng tâm của trường. Báo cáo tài chính của Nhà trường đã phản ánh trung thực kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



### **PHỤ LỤC 3**

## **CÁC KHUYẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)*

#### **1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học**

Nhà trường cần có một chiến lược phát triển có tính khả thi cao, được xây dựng một cách khoa học để có thể huy động các nguồn lực và cần có các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu đã đề ra. Việc xây dựng, điều chỉnh chiến lược của Trường cần theo kế hoạch cụ thể, kịp thời, gắn với phát triển về kinh tế- xã hội của địa phương, khu vực cũng như nguồn nhân lực, vật lực của Trường; định hướng, tạo thuận lợi cho các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hành động phù hợp.

#### **1.1. Tổ chức và quản lý**

Nhà trường cần sớm hoàn thành việc chuyển đổi sang mô hình trường ĐH tư thục để sớm ổn định cơ chế và cơ cấu tổ chức, xây dựng lại và sớm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với chiến lược phát triển mới của trường, trong đó chú trọng tăng mức hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức đoàn thể hoạt động. Nhà trường cần có biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch hiệu quả hơn; nên xây dựng và triển khai phần mềm tra cứu văn bản và phần mềm quản lý công văn đi và đến; đẩy mạnh công tác phát triển Đảng trong SV và chỉ đạo mạnh mẽ để hoạt động phong trào của các đoàn thể hấp dẫn hơn, thu hút nhiều sinh viên tham gia hơn. Nhà trường nên có kế hoạch cử CB có đủ điều kiện học Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ về Đo lường đánh giá chất lượng GD; tham gia học và thi KĐV; rà soát lại các quy định về chế độ báo cáo và lưu trữ văn bản; mua sắm thêm phương tiện bảo quản và sắp xếp lại các địa điểm lưu trữ phù hợp; bồi dưỡng nghiệp vụ soạn thảo và lưu trữ văn bản cho thư ký văn phòng các đơn vị trực thuộc; cần chú trọng công tác an ninh và PCCC.

#### **1.2. Chương trình đào tạo**

Nhà trường cần ban hành và công bố chuẩn đầu ra của tất cả các ngành đào tạo ở trình độ đại học, sau đại học theo quy định. Chuẩn đầu ra cần được cập nhật kỹ năng ngoại ngữ theo quy định của Bộ GD&ĐT và công bố cho người học ngay từ lúc nhập học. Trường cần có kế hoạch cụ thể để định kỳ cập nhật, điều chỉnh CTĐT ít nhất 2 năm một lần theo quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường cần tổ chức thường xuyên và đầy đủ các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan ngoài cơ sở đào tạo để phục vụ công tác cập nhật, điều chỉnh CTĐT. Cần xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai việc đánh giá

CTĐT theo tiêu chuẩn qui định của Bộ GD&ĐT hoặc đăng ký đánh giá CTĐT của các tổ chức kiểm định.

### **13. Hoạt động đào tạo**

Nhà trường cần tiến hành khảo sát nhu cầu của người học, nhà tuyển dụng và tăng cường công tác quảng bá các ngành có thế mạnh của trường; triển khai đồng bộ công tác xây dựng và sử dụng ngân hàng đề thi. Nhà trường nên đầu tư mới thiết bị quét điểm để đảm bảo độ tin cậy của kết quả thi, nên đảm bảo tính riêng tư về kết quả tốt nghiệp hay kết quả học tập cho mỗi người học khi công bố trên website; đầu tư trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trong kho lưu trữ bài thi; đa dạng hóa phương thức khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu việc làm và thu nhập; định kỳ rà soát cải tiến mẫu phiếu khảo sát cũng như đa dạng hóa phương thức khảo sát chất lượng đào tạo; kết nối chặt chẽ hơn nữa với các doanh nghiệp để nắm bắt tốt các nhu cầu của doanh nghiệp, từ đó điều chỉnh lại CTĐT để mang tính thực tiễn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

### **14. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên**

Trong công tác Quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, nhà trường cần tiến hành bổ nhiệm theo đúng quy định hiện hành trong Điều lệ trường ĐH năm 2014. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch hằng năm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ GV, kỹ thuật viên, nhân viên ngắn hạn, dài hạn; tạo điều kiện để những GV mới chỉ có trình độ ĐH được đi học sau ĐH trong và ngoài nước. Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cần dựa trên vị trí việc làm nhằm đáp ứng tốt hơn công tác lãnh đạo, quản lý, giảng dạy và phục vụ giảng dạy. Để đảm bảo quyền dân chủ trong trường ĐH, nhà trường cần tổ chức các buổi tiếp cán bộ, GV, người lao động và thông báo lịch tiếp CB, GV trên Lịch tuần của trường. Các giảng viên cơ hữu mới chỉ có trình độ ĐH chỉ được tham gia trợ giảng hoặc hướng dẫn thực hành thí nghiệm.

### **15. Người học**

Nhà trường cần đa dạng hóa các hình thức chuyên tải thông tin hai chiều giữa nhà trường và mọi người học như hội thảo, hội nghị, khảo sát, email, website, facebook, thư, điện thoại, trao đổi trực tiếp, thông qua các tổ chức của người học... Nhà trường nên tìm kiếm các hình thức hấp dẫn để tuyên truyền, giáo dục người học về chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống; thu hút nhiều người học tham gia vào các hoạt động ngoại khóa và các phong trào thanh niên; tăng cường hỗ trợ sinh viên về phương pháp học tập và nghiên cứu, chú trọng hình thành năng lực nghề nghiệp đi đôi với rèn luyện đạo đức và lối sống lành mạnh, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động; quan tâm hỗ trợ sinh viên ngoại trú. Nhà trường nên có kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo trước khi sinh viên tốt nghiệp; tăng độ tin cậy kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt

nghiệp; đầu tư thêm cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho người học trong học tập và sinh hoạt.

#### **16. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ**

Kế hoạch KHCN từng năm cần đưa ra các chỉ tiêu cụ thể dựa trên chỉ tiêu kế hoạch trung hạn; có kế hoạch đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ NCKH và CGCN. Khi thống kê đề tài NCKH cần bổ sung mã số đề tài, thời điểm triển khai, nghiệm thu, thời gian gia hạn...; nên thực hiện cấp mã số cho các đề tài cấp Trường; thường xuyên kiểm tra tiến độ, thông báo nhắc nhở tới từng chủ nhiệm đề tài; nên cân nhắc kỹ khi xét duyệt giao nhiệm vụ NCKH. Nhà trường cần nghiên cứu biện pháp đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm KH&CN; tăng cường hợp tác NCKH với các doanh nghiệp, địa phương, các trường ĐH và viện nghiên cứu, đặc biệt với nước ngoài; tập trung xây dựng một số nhóm nghiên cứu mạnh để tìm kiếm đề tài các cấp Nhà nước/Bộ/Tỉnh, góp phần tăng nguồn thu từ hoạt động KHCN; có chính sách khuyến khích đủ mạnh về tài chính nhằm tăng số lượng công bố quốc tế, công bố chung quốc tế; có chính sách hỗ trợ phù hợp để hoạt động KHCN triển khai đồng đều hơn giữa các đơn vị; đảm bảo nghĩa vụ và nguồn chi của Nhà trường đối với hoạt động NCKH của GV và SV theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ; xây dựng các quy định về liên chính học thuật đối với sinh viên và học viên SDH khi thực hiện đề án tốt nghiệp, luận văn cao học, luận án tiến sĩ; khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, GV đăng ký các bằng sáng chế, giải pháp hữu ích.

#### **17. Hoạt động hợp tác quốc tế**

Nhà trường cần xây dựng giải pháp cụ thể hơn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, chủ động trong việc tìm nguồn học bổng, tài trợ để cử nhiều cán bộ giảng viên đi học sau đại học ở nước ngoài; phát huy vai trò chủ động của các khoa và giảng viên trong hoạt động hợp tác quốc tế; tích cực bồi dưỡng cho các CB trẻ có trình độ ngoại ngữ tốt hơn nữa để thúc đẩy hợp tác quốc tế. Nhà trường nên có chính sách khuyến khích khen thưởng nhằm động viên những cá nhân, đơn vị tích cực tìm kiếm thành công những dự án, chương trình có giá trị cho hoạt động đào tạo, NCKH và tăng cường cơ sở vật chất cho trường; nên thường xuyên rà soát đánh giá hiệu quả của các thỏa thuận hợp tác đã được ký kết; cần triển khai được các đề tài, đề án, dự án NCKH với sự hợp tác nghiên cứu của các đối tác và chuyên gia nước ngoài; tăng cường HTQT trong việc ứng dụng kết quả NCKH vào thực tế; đẩy mạnh hợp tác để có các công trình khoa học đồng công bố quốc tế.

#### **18. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác**

Nhà trường cần sắp xếp lại Thư viện, cử CBVC có chuyên môn về quản lý Thư viện phụ trách; cần nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, đảm bảo liên

thông được với hệ thống quản lý chung của toàn trường, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên và sinh viên có thể sử dụng thư viện trực tuyến; nên có hợp đồng sử dụng tài nguyên của các trường ĐH, CĐ khác để có được nhiều tài liệu chuyên ngành hơn. Nhà trường cần có kế hoạch đầu tư và bổ sung thêm sách hằng năm theo tỉ lệ đầu sách/SV từng ngành; đảm bảo tính cập nhật và bản quyền của tài liệu; đảm bảo có đủ số sách tham khảo chính cho SV và học viên SDH, nhất là các tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài; tăng cường kinh phí để Thư viện liên kết và chia sẻ dữ liệu với các trung tâm, cơ sở giáo dục và thư viện ở nước ngoài. Hằng năm Trường nên khảo sát ý kiến phản hồi của SV và GV về sự đáp ứng của cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, thư viện cho hoạt động dạy học và NCKH của SV và GV; có kế hoạch thực hiện cải tạo, nâng cấp các phòng học, các thiết bị đã xuống cấp; bố trí phòng làm việc cho các Tổ trưởng bộ môn, các phòng sinh hoạt chuyên môn cho các khoa.

### **19. Tài chính và quản lý tài chính**

Nhà trường cần dự báo tốt hơn nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng các giải pháp hiệu quả để đảm bảo và tăng nguồn thu; có chiến lược quản lý rủi ro để có thể ứng phó với những tình huống mất cân đối thu chi trong năm; có biện pháp đẩy mạnh và tăng nguồn thu từ các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, đặc biệt là trong các lĩnh vực mà nhà trường có thế mạnh như Nông nghiệp, Công nghệ sinh học. Nhà trường nên có kế hoạch điều chỉnh bổ sung quy trình lập kế hoạch tài chính cho năm tới trong Quy chế chi tiêu nội bộ, không phải chỉ là lập kế hoạch cho việc mua sắm; lấy ý kiến phản hồi của các bộ phận liên quan đến các hoạt động tài chính một cách hệ thống hơn. Nhà trường nên định kỳ rà soát hằng năm về Quy chế chi tiêu nội bộ để kịp thời cập nhật và khuyến khích các hoạt động của nhà trường, ví dụ như quy định về tổng mức chi cho hoạt động khoa học hằng năm phải ít nhất là 5%, phải có ít nhất 2% từ nguồn học phí được chi cho quỹ học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên; quy định về hỗ trợ kinh phí đăng bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế phải hợp lý hơn.